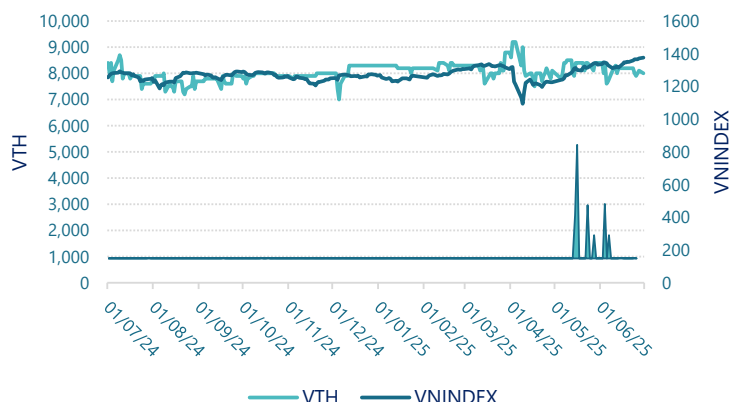


CTCP Dây cáp điện Việt Thái (HNX: VTH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,000
SL cổ phiếu LH	7,899,989
KLGD BQ 20 phiên (CP)	635
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	63
P/E	4.5
EPS	1,792

DT thuần

Q2/25

345

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 123 | 55.5%

YoY: ▲ 211 | 158%

LN sau thuế

Q2/25

3.43

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.53 | 18.3%

YoY: ▲ 1.64 | 91.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

2.8%

+/- YoY: ▼ 1.4%

DT thuần

6T 2025

568

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 347 | 157%

LN sau thuế

6T 2025

6.33

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.77 | 147%

ROE

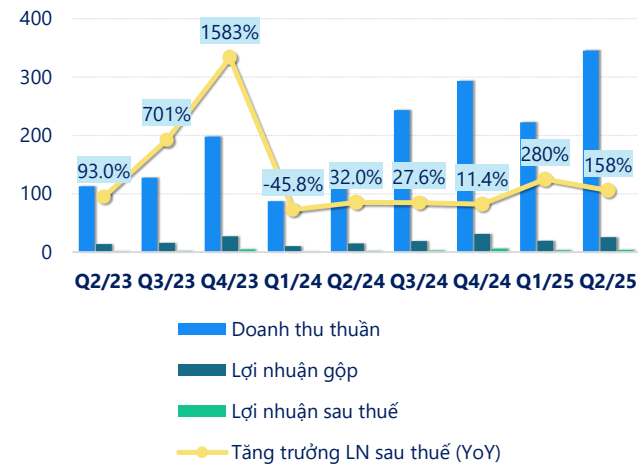
Q2/25

14.5%

+/- YoY: ▲ 4.4%

tỷ VNĐ

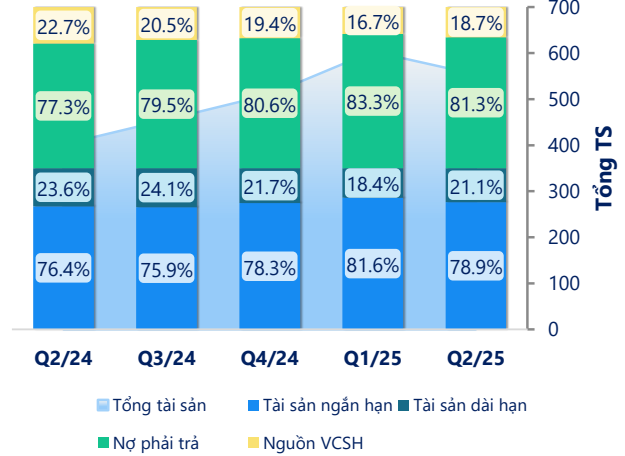
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

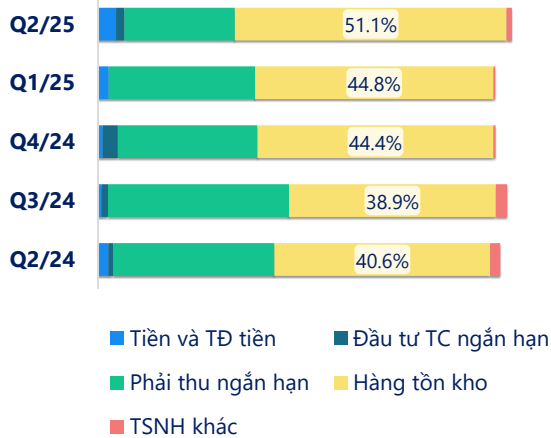
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



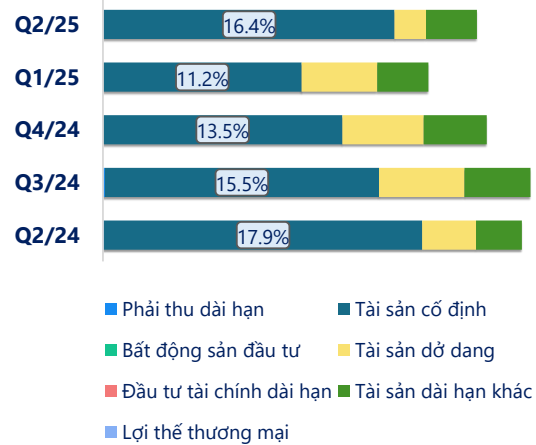
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

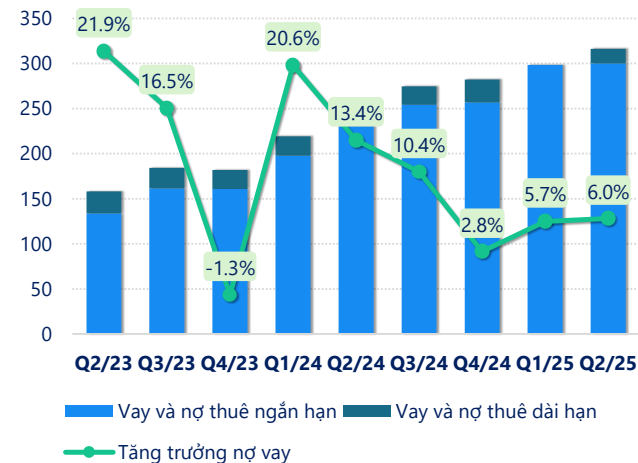
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

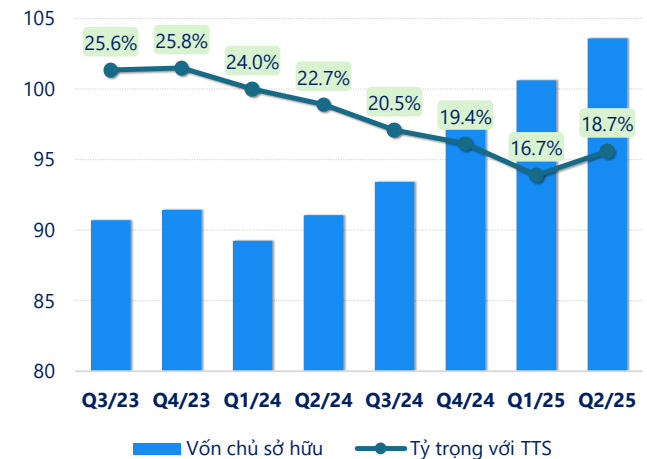
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

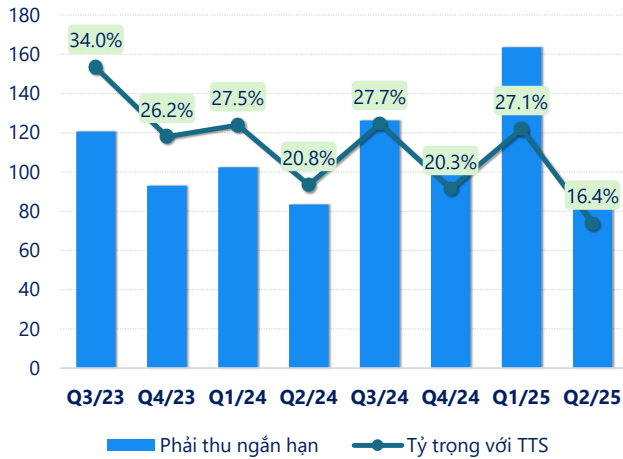
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



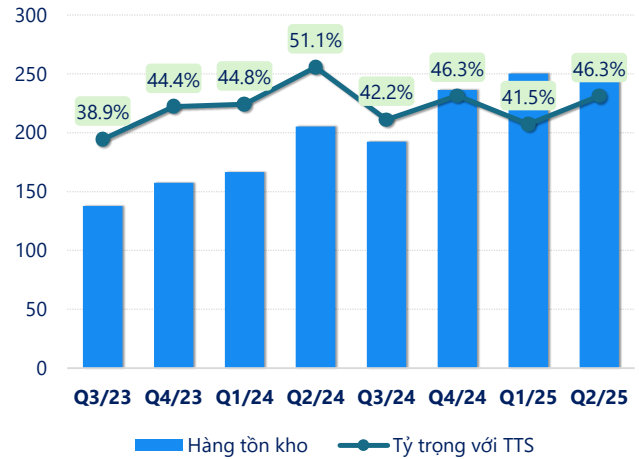
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


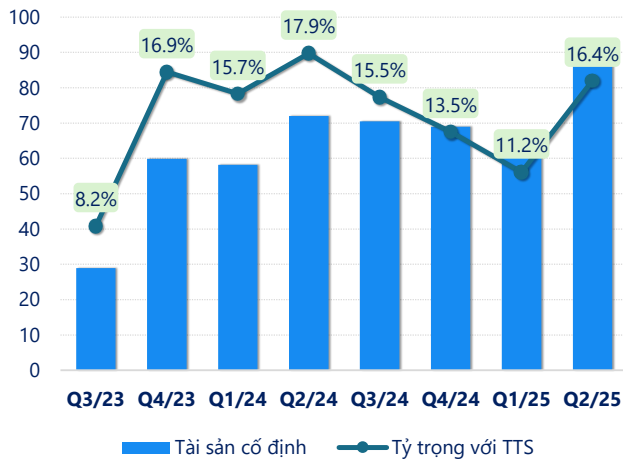
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


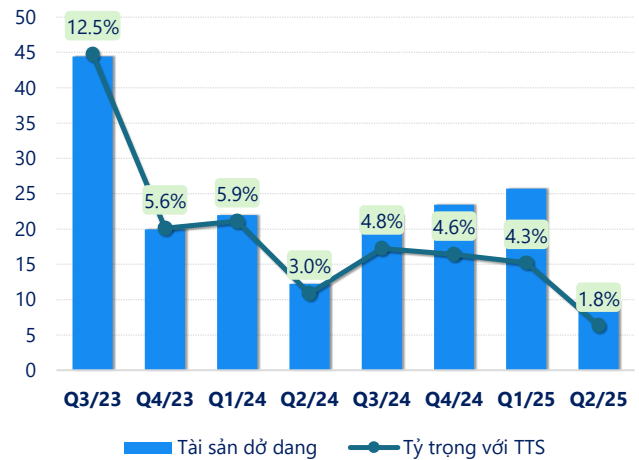
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

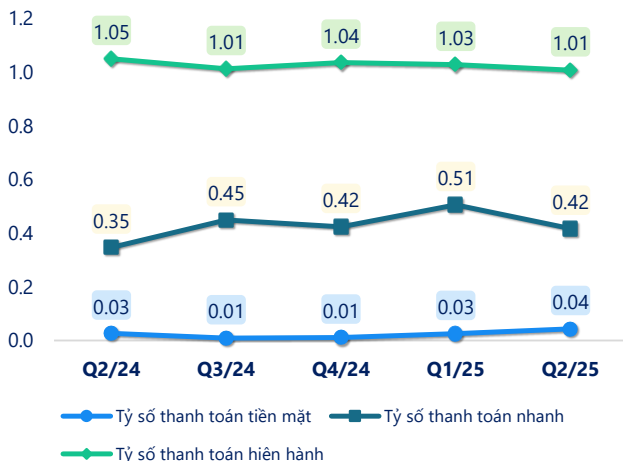
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

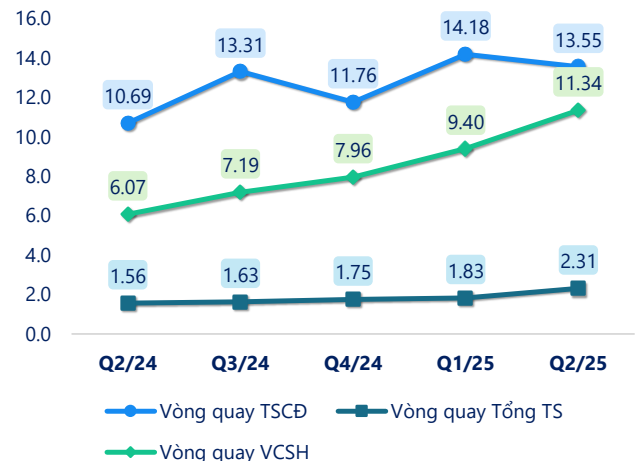
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	401	456	510	603	554
Tài sản ngắn hạn	307	346	400	493	437
Tiền và tương đương tiền	7.69	3.04	4.40	12.0	18.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.14	22.0	52.0	62.6	68.6
Phải thu ngắn hạn	83.4	126	104	164	90.8
Hàng tồn kho	205	192	236	250	256
Tài sản ngắn hạn khác	4.06	2.15	3.51	4.11	2.71
Tài sản dài hạn	94.9	110	111	111	117
Phải thu dài hạn	0.25	0.47	0	0	0.25
Tài sản cố định	72.0	70.4	68.9	67.7	90.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	12.2	22.0	23.4	25.7	9.80
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	10.4	16.9	18.2	17.5	15.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	310	362	412	503	450
Nợ ngắn hạn	292	342	386	479	434
Vay và nợ thuê ngắn hạn	230	254	257	299	300
Phải trả người bán ngắn hạn	41.1	65.9	107	140	107
Nợ dài hạn	18.4	20.6	25.5	23.6	16.4
Vay và nợ thuê dài hạn	18.4	20.6	25.5	0	16.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	91.0	93.4	98.9	101	104
Vốn chủ sở hữu	91.0	93.4	98.9	101	104
Vốn điều lệ	79.0	79.0	79.0	79.0	79.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)